

Số: 08/2019/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và
nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Ủy
ban thường vụ Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu
quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án
thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày
10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng
năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng
dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02
tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây
dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn
2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân
bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-
2020;*



Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

“b) Hỗ trợ để thực hiện các công trình hạ tầng áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù, cụ thể:

- Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% dự toán công trình đối với xã đặc biệt khó khăn; thôn đặc biệt khó khăn; các tổ/xóm có trên 50% là hộ đồng bào dân tộc thiểu số;

- Ngân sách địa phương hỗ trợ 70% dự toán công trình, bao gồm: Tỉnh hỗ trợ xi măng; tùy theo điều kiện các huyện quy định việc hỗ trợ cát, đá, chi phí vận chuyển, máy thi công, nền hạ. 30% phần còn lại huy động nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức hợp pháp khác đối với các xã, thị trấn còn lại;

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng, phần còn lại địa phương tự chủ ngân sách và huy động nhân dân để thực hiện đối với: thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và huyện Chơn Thành;

Xi măng tỉnh hỗ trợ theo hình thức trả chậm, cụ thể: Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bảo lãnh Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh mua trả chậm 01 năm với khối lượng theo nhu cầu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Khuyến khích đối ứng của nhân dân không hạn chế nhưng tuyệt đối không được yêu cầu người dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân, không được yêu cầu những hộ dân nghèo, cận nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách đóng góp. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền đến người dân hiểu và tự nguyện tham gia.

c) Hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới: có bảng quy định kèm theo.”

Điều 2. Các nội khác thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *ph*



Trần Tuệ Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2019 - 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND
ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

TT	Nội dung được hỗ trợ	Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã khu vực I	Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã khu vực II	Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã khu vực III
1	Giao thông			
1.1	Đường giao thông đến trung tâm xã	100%	100%	100%
1.2	Đường trục liên thôn, liên ấp	80%	95%	100%
1.3	Đường giao thông thôn, ấp; xóm, tổ	70%	90%	100%
1.4	Đường giao thông nội đồng	70%	80%	90%
2	Công trình thủy lợi			
2.1	Công trình đầu mối và hệ thống kênh tưới, tiêu chính	100%	100%	100%
2.2	Kênh mương nội đồng	60%	65%	70%
3	Xây dựng trường học đạt chuẩn			
3.1	Xây dựng phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị và thư viện đạt chuẩn.	100%	100%	100%
3.2	Công trình phụ trợ: sân, hàng rào, nhà vệ sinh,...	70%	75%	80%
4	Xây dựng Trạm Y tế xã			
4.1	Xây dựng Trạm Y tế, trang thiết bị y tế đạt chuẩn	100%	100%	100%
4.2	Công trình phụ trợ: sân, hàng rào, vườn thuốc nam,...	70%	70%	70%
5	Xây dựng nhà văn hóa			
5.1	Nhà văn hóa xã	100%	100%	100%
5.2	Nhà văn hóa thôn, ấp	100%	100%	100%
6	Công trình thể thao			



6.1	Công trình thể thao trung tâm xã	100%	100%	100%
6.2	Công trình thể thao thôn, ấp	65%	70%	70%
7	Công trình cấp nước sinh hoạt	70%	70%	70%
8	Công trình thoát nước thải khu dân cư	65%	70%	70%
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện	100% (nhân dân đối ứng bằng chi phí giải phóng mặt bằng)		
10	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã hội hóa		
11	Nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn	50%	50%	50%
12	Phát triển sản xuất và dịch vụ			
12.1	Hỗ trợ giống mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất	60%	65%	70%
12.2	Hỗ trợ mua máy cơ giới trong nông nghiệp	20%	25%	30%
13	Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp và Thủy sản	70%	70%	70%
14	Môi trường			
14.1	Cảnh quan môi trường nông thôn	30%	30%	30%
14.2	Cải tạo nghĩa trang	50%	60%	70%
14.3	Xây dựng đường vào nghĩa trang	80%	90%	100%

Ghi chú:

(1) Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Tạo điều kiện tối đa cho xã hội hóa. Đối với địa bàn khó khăn hoặc đang trong giai đoạn kêu gọi đầu tư thì ngân sách hỗ trợ xây dựng để đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhân dân.

(2) Riêng mức hỗ trợ cho các hạng mục khác đã được Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành quy định thì áp dụng theo văn bản quy định đó.

(3) Xã khu vực I, II, III là xã được Thủ tướng Chính phủ có Quyết định công nhận, tại thời điểm ban hành Nghị quyết này áp dụng Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

Các xã Thành Tâm, Minh Long, Minh Hưng của huyện Chơn Thành khi xác định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thì áp dụng nhóm xã khu vực I.